

# CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HẢI DƯƠNG

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HẢI DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108103882

**3. Ngày thành lập:** 21/12/2017

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Thống Nhất, Xã Đông Lỗ, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936269848

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4100     |
| 2.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4210     |
| 3.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4220     |
| 4.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4311     |
| 5.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4312     |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4321     |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4322     |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết : Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng ; Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. | 4329     |
| 9.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4330     |
| 10. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết : Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, Xây dựng bể bơi ngoài trời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4390     |
| 11. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết : Xây dựng công trình công nghiệp, các công trình thể thao ngoài trời.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4290     |
| 12. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết : Dịch vụ thiết kế đồ thị; Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7410     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                                                               | 2392(Chính) |
| 14. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                  | 2394        |
| 15. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                                            | 2395        |
| 16. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết : Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; xi măng; gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; kính xây dựng; sơn, vécni; gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; đồ ngũ kim                                       | 4663        |
| 17. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết : Bán lẻ đồ ngũ kim; sơn, màu, véc ni; kính xây dựng; đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh | 4752        |
| 18. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết : Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép                                                                                                                                                                       | 4662        |
| 19. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                      | 4933        |
| 20. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                 | 4931        |
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết : Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch                                                                       | 4932        |
| 22. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết : Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng ( kể cả máy vi tính);                                                      | 7730        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.900.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN MINH HẢI | Thôn Khai Thái, Xã Khai Thái, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | 1.140.000.000         | 60,000    | 111405214                                                                                                                                         |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ BẮC  | Thôn Khai Thái, Xã Khai Thái, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | 760.000.000           | 40,000    | 111405293                                                                                                                                         |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN MINH HẢI

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *01/11/1969*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *111405214*

Ngày cấp: *02/04/2011*

Nơi cấp: *Công an Thành Phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Khai Thái, Xã Khai Thái, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Khai Thái, Xã Khai Thái, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*